

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	6 – 29
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 29

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Group Bắc Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Group Bắc Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100979011 ngày 20 tháng 6 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch	
Ông Vũ Hữu Trí	Ủy viên	
Ông Đặng Đức Dũng	Ủy viên	
Ông Lê Quốc Hùng	Ủy viên	
Ông Tsuboi Fuminori	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Văn Cường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Văn Cường	Tổng Giám đốc
Tạ Thu Hằng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Số: 71./2021/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Group Bắc Việt được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Group Bắc Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Group Bắc Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 08 tháng 4 năm 2020.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Phó Giám đốc

Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Huy Hoàng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4531-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.498.302.038	51.032.330.872
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		261.243.849	832.837.025
1.	Tiền	111	V.01	261.243.849	832.837.025
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.184.856.393	48.357.556.894
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	19.500.000	2.477.942.324
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	71.000.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	9.165.356.393	48.172.107.761
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(2.363.493.191)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	-	1.739.847.052
1.	Hàng tồn kho	141		-	1.739.847.052
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		52.201.796	102.089.901
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	52.201.796	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	102.089.901
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆTTầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.534.133.429	68.464.277.320
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		21.626.974.697	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		21.626.974.697	-
6.	Phải thu dài hạn khác	213		-	-
II.	Tài sản cố định	220		-	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	-	-
	- Nguyên giá	222		154.286.000	222.467.818
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(154.286.000)	(222.467.818)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	-	1.107.571.984
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	892.364.252
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	215.207.732
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	42.892.105.600	67.283.900.209
1.	Đầu tư vào công ty con	251		39.046.505.600	70.046.505.600
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.845.600.000	11.775.283.996
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(14.537.889.387)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		15.053.132	72.805.127
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	15.053.132	72.805.127
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		74.032.435.467	119.496.608.192

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		6.436.248.656	45.750.869.248
I.	Nợ ngắn hạn	310		6.436.248.656	969.551.484
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	119.046.989	396.336.808
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.455.056
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	42.165.951	20.285.000
4.	Phải trả người lao động	314		115.656.000	278.001.500
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	87.722.412	153.048.016
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	5.951.232.200	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn			-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		120.425.104	120.425.104
II.	Nợ dài hạn	330		-	44.781.317.764
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	-	44.781.317.764
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.596.186.811	73.745.738.944
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	67.596.186.811	73.745.738.944
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.509.480.000	97.509.480.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		156.827.827	156.827.827
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.037.319	150.037.319
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(30.220.158.335)	(24.070.606.202)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(24.070.606.202)	(24.205.422.312)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(6.149.552.133)	134.816.110
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		74.032.435.467	119.496.608.192

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Tạ Thu Hằng

Tạ Thu Hằng



Lê Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.400.000.000	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.400.000.000	-
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.210.000.000	-
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		190.000.000	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.614.756.649	2.133.570.724
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	4.952.604.618	1.313.279.074
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		68.034.752	1.313.279.074
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	1.523.584.879	685.475.540
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.671.432.848)	134.816.110
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	486.706.449	-
12.	Chi phí khác	32	VI.06	2.964.825.734	-
13.	Lợi nhuận khác	40		(2.478.119.285)	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.149.552.133)	134.816.110
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(6.149.552.133)	134.816.110

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tạ Thu Hằng

Tạ Thu Hằng

Lê Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(6.149.552.133)	134.816.110
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		-	-
-	Các khoản dự phòng	03		(2.393.238.578)	(5.339.585.939)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(56.000)	36.005.013
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.076.797.646)	(2.097.565.411)
-	Chi phí lãi vay	06		68.034.752	-
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		4.368.243.996	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.183.365.609)	(7.266.330.227)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		41.638.283.593	(16.405.926.946)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.632.211.304	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(269.327.296)	(123.066.850)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.550.199	(60.892.627)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(68.034.752)	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.755.317.439	(23.856.216.650)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.626.974.697)	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.520.000.000)	(3.660.000.000)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21.573.296.000	42.218.560.000
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.076.797.646	2.097.565.411
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		503.118.949	40.656.125.411

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		5.950.000.000	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(44.780.085.564)	(16.160.958.852)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(38.830.085.564)	(16.160.958.852)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(571.649.176)	638.949.909
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	832.837.025	193.887.116
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		56.000	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	261.243.849	832.837.025

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Tạ Thu Hằng

Kế toán trưởng

Tạ Thu Hằng

Tổng Giám đốc



Lê Văn Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và sản xuất.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 1 đơn vị thành viên là Công ty con.

Địa chỉ trụ sở chính

Tên Công ty con

Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt

Số 1 lô F KCN Gia Lễ, thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn

06 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	276.052	1.205.652
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	260.967.797	831.631.373
Cộng	<u>261.243.849</u>	<u>832.837.025</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty con	39.046.505.600	-	-	70.046.505.600	(14.537.889.387)	55.508.616.213
+ Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt ^(a)	-	-	-	31.000.000.000	(14.537.889.387)	16.462.110.613
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	39.046.505.600	-	-	39.046.505.600	-	39.046.505.600
- Đầu tư vào đơn vị khác	3.845.600.000	-	3.845.600.000	11.775.283.996	-	11.775.283.996
+ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Hanel ^(b)	-	-	-	1.452.457.000	-	1.452.457.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt	3.845.600.000	-	3.845.600.000	2.325.600.000	-	2.325.600.000
+ Chi dự án tại Campuchia (Bệnh viện LIM Royal) ^(b)	-	-	-	2.915.786.996	-	2.915.786.996
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt ^(c)	-	-	-	5.081.440.000	-	5.081.440.000
Cộng	42.892.105.600	-	3.845.600.000	76.740.349.596	(14.537.889.387)	62.202.460.209

(a) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt cho Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Bắc Việt căn cứ theo Quyết nghị của Hội đồng quản trị số 04.03/2020/NQ/HĐQT-BVG ngày 24 tháng 4 năm 2020 và hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 03 tháng 8 năm 2020 ký kết giữa Công ty với Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Bắc Việt.

(b) Căn cứ theo Quyết nghị của Hội đồng quản trị số 04.03/2020/NQ/HĐQT-BVG ngày 24 tháng 4 năm 2020, Công ty xác định khoản lỗ từ đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Hanel và khoản chi dự án tại Campuchia (Bệnh viện LIM Royal).

(c) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt cho các đối tác căn cứ theo Quyết nghị của Hội đồng quản trị số 04.03/2020/NQ/HĐQT-BVG ngày 24 tháng 4 năm 2020.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con trong năm:

	Năm nay
Doanh thu dịch vụ	
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	1.400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>19.500.000</i>	<i>2.477.942.324</i>
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Xây lắp 89	-	180.000.000
- Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	-	111.570.894
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Hanel	-	503.504.125
- Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ	-	1.280.406.080
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	19.500.000	402.461.225
Cộng	<u>19.500.000</u>	<u>2.477.942.324</u>

04. Phải thu về cho vay

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Dài hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt (*)	21.626.974.697	-	-	-
Cộng	<u>21.626.974.697</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Khoản cho vay theo hợp đồng số 2901.2019/HĐVT/BVG-BVI ngày 01/01/2019 với Công ty Cổ phần đầu tư BVG với lãi suất là 9%/năm, thời hạn vay 05 năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	9.165.356.393	-	48.172.107.761	-
- Tạm ứng	254.702.000	-	4.343.018.500	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	389.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	8.521.654.393	-	43.829.089.261	-
+ <i>Quỹ Vinalvest</i>	-	-	30.042.000.000	-
+ Công ty TNHH Kết cấu thép Việt Bắc	3.153.550.393	-	4.813.911.857	-
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	-	-	3.971.227.445	-
+ Các khoản phải thu khác	5.368.104.000	-	5.001.949.959	-
Cộng	9.165.356.393	-	48.172.107.761	-

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ	-	-	1.280.406.080	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Hanel	-	-	503.504.125	-
- Các đối tượng khác	-	-	590.185.510	10.602.524
Cộng	-	-	2.374.095.715	10.602.524

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	-	-	1.739.847.052	-
Cộng	-	-	1.739.847.052	-

08. Tài sản dở dang dài hạn**a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	892.364.252	-
Cộng	-	-	892.364.252	-

b. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
	- Xây dựng cơ bản	-
Cộng	-	215.207.732

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	222.467.818	222.467.818
- Mua trong năm		-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(68.181.818)	(68.181.818)
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	154.286.000	154.286.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	222.467.818	222.467.818
- Khấu hao trong năm		-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(68.181.818)	(68.181.818)
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	154.286.000	154.286.000
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 154.286.000 đồng.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	52.201.796	-
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.090.000	-
- Các khoản khác	51.111.796	-
b. Dài hạn	15.053.132	72.805.127
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	15.053.132	72.805.127
Cộng	67.254.928	72.805.127

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	-	-	5.951.232.200	-	5.951.232.200	5.951.232.200
- <i>Vay đối tượng khác</i>	-	-	5.950.000.000	-	5.950.000.000	5.950.000.000
+ Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản Bắc Việt ^(a)	-	-	5.950.000.000	-	5.950.000.000	5.950.000.000
- <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	1.232.200	-	1.232.200	1.232.200
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex ^(b)	-	-	1.232.200	-	1.232.200	1.232.200
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	44.781.317.764	44.781.317.764	-	44.781.317.764	-	-
Từ 1 đến 5 năm	44.781.317.764	44.781.317.764	-	44.781.317.764	-	-
- <i>Vay ngân hàng</i>	44.781.317.764	44.781.317.764	-	44.781.317.764	-	-
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex ^(b)	22.736.249.764	22.736.249.764	-	22.736.249.764	-	-
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex ^(b)	22.045.068.000	22.045.068.000	-	22.045.068.000	-	-
Cộng	44.781.317.764	44.781.317.764	5.951.232.200	44.781.317.764	5.951.232.200	5.951.232.200

(a) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản Bắc Việt theo hợp đồng vay vốn số 14082020/HDVT/BVAM-BVG ngày 14 tháng 8 năm 2020. Thời hạn vay 09 tháng, lãi suất vay 0%/năm.

(b): Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng hạn mức tín dụng trung dài hạn số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 kỳ ngày 10 tháng 05 năm 2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Theo thỏa thuận điều chỉnh khoản vay ngày 06 tháng 01 năm 2015 cấu trúc lại khoản vay, công ty bắt đầu trả gốc vay và lãi vay từ năm 2017 đến năm 2023. Lãi suất vay 7,5%/năm đối với khoản vay bằng VND. Lãi suất tốt nhất cho các khoản vay bằng USD tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	119.046.989	119.046.989	396.336.808	396.336.808
- Công ty Cổ phần Thép Chương Dương	-	-	49.907.692	49.907.692
- Công ty Wuxi Zonhai Intl Corporation., Ltd	-	-	270.137.000	270.137.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	119.046.989	119.046.989	76.292.116	76.292.116
Cộng	119.046.989	119.046.989	396.336.808	396.336.808

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	27.828.049	-	-	27.828.049
- Thuế thu nhập cá nhân	-	20.285.000	34.504.292	40.451.390	-	14.337.902
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	20.285.000	65.332.341	43.451.390	-	42.165.951

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***14. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	87.722.412	153.048.016
- Kinh phí công đoàn	24.714.054	24.714.054
- Bảo hiểm xã hội	63.008.358	34.446.650
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	93.887.312
Cộng	87.722.412	153.048.016

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	97.509.480.000	7.856.827.827	150.037.319	(31.905.422.312)	73.610.922.834
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	134.816.110	134.816.110
Tăng khác	-	-	-	7.700.000.000	7.700.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(7.700.000.000)	-	-	(7.700.000.000)
Số dư cuối năm trước	97.509.480.000	156.827.827	150.037.319	(24.070.606.202)	73.745.738.944
Số dư đầu năm nay	97.509.480.000	156.827.827	150.037.319	(24.070.606.202)	73.745.738.944
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(6.149.552.133)	(6.149.552.133)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	97.509.480.000	156.827.827	150.037.319	(30.220.158.335)	67.596.186.811

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Vốn góp của nhà nước	-	-	-	-
- Vốn góp của các cổ đông khác	97.509.480.000	100	97.509.480.000	100
Cộng	97.509.480.000	100	97.509.480.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	97.509.480.000	97.509.480.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	97.509.480.000	97.509.480.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.750.948	9.750.948
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	9.750.948
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.750.948	9.750.948
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.750.948	9.750.948
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.400.000.000	-
Cộng	1.400.000.000	-

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.210.000.000	-
Cộng	1.210.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.076.811.262	2.133.570.724
- Lãi bán các khoản đầu tư	537.889.387	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	56.000	-
Cộng	<u>2.614.756.649</u>	<u>2.133.570.724</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	68.034.752	1.313.279.074
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.174.170	-
- Tồn thất đầu tư tài chính	4.876.387.996	-
- Các khoản chi phí tài chính khác	7.700	-
Cộng	<u>4.952.604.618</u>	<u>1.313.279.074</u>

05. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	17.727.273	-
- Các khoản khác	468.979.176	-
Cộng	<u>486.706.449</u>	<u>-</u>

06. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Xử lý tổn thất từ hàng tồn kho, công nợ	2.850.297.275	-
- Các khoản khác	114.528.459	-
Cộng	<u>2.964.825.734</u>	<u>-</u>

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<u>1.523.584.879</u>	<u>685.475.540</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.122.257.792	425.733.150
- Chi phí đồ dùng văn phòng	160.063.591	31.812.567
- Thuế, phí và lệ phí	9.309.876	7.415.900
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.479.811	6.461.545
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	39.473.809	214.052.378
Cộng	<u>1.523.584.879</u>	<u>685.475.540</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>
- Chi phí nhân công	1.122.257.792
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.402.479.811
- Chi phí khác bằng tiền	208.847.276
Cộng	<u><u>2.733.584.879</u></u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương, thưởng	216.975.077
Cộng	<u><u>216.975.077</u></u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Công ty con

Trong năm, ngoài giao dịch đã thuyết minh tại mục V.02, Công ty có các giao dịch với bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt		
+ Góp vốn	-	3.660.000.000
+ Cho vay	17.000.0000.000	-
+ Lãi cho vay	855.747.252	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản công nợ khác với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	-	3.971.227.445
Phải thu về cho vay		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	21.626.974.697	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	261.243.849	-	832.837.025	-	261.243.849	832.837.025
Phải thu về cho vay	21.626.974.697	-	-	-	21.626.974.697	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.541.154.393	-	46.307.031.585	-	8.541.154.393	46.307.031.585
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	3.845.600.000	-	11.775.283.996	-	3.845.600.000	11.775.283.996
Cộng	34.274.972.939	-	58.915.152.606	-	34.274.972.939	58.915.152.606

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	119.046.989	396.336.808	119.046.989	396.336.808
Vay và nợ	5.951.232.200	44.781.317.764	5.951.232.200	44.781.317.764
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	93.887.312	-	93.887.312
Cộng	6.070.279.189	45.271.541.884	6.070.279.189	45.271.541.884

(*): Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản trong tương lai phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	119.046.989	-	-	119.046.989
Vay và nợ	5.951.232.200	-	-	5.951.232.200
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	6.070.279.189	-	-	6.070.279.189
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	396.336.808	-	-	396.336.808
Vay và nợ	-	44.781.317.764	-	44.781.317.764
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	93.887.312	-	-	93.887.312
Cộng	490.224.120	44.781.317.764	-	45.271.541.884

05. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K – Chi nhánh Miền Bắc.

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Tạ Thu Hằng

Tạ Thu Hằng

Lê Văn Cường